

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/DS-ST

Ngày 19-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đô

2. Ông Nguyễn Xuân Quỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, địa chỉ trụ sở: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng N sinh năm 1963, địa chỉ: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền lập ngày 16-3-2017) “có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T sinh năm 1977, địa chỉ: Xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Trần Hoàng N trình bày: Ngày 25-01-2015 và ngày 10-6-2015 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N có ký 02 hợp đồng cho thuê khoán tài sản với anh Phạm Văn T. Theo hợp đồng, công ty cho anh T thuê 03 lò sấy lúa thuộc nhà máy sấy lúa kinh 4, xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ để sấy

lúa gia công cho hợp đồng viên vụ lúa Đông Xuân và vụ lúa Hè Thu năm 2015. Trong quá trình hoạt động anh T đã tạm ứng chi phí của công ty để mua nhiên liệu và trả tiền công nhân, cụ thể: Vụ Đông Xuân năm 2015 tạm ứng 02 đợt với số tiền 30.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 14-02-2015 và phiếu chi ngày 06-3-2015; vụ Hè Thu năm 2015 tạm ứng 50.000.000 đồng theo phiếu chi ngày 11-6-2015 và phiếu chi ngày 26-6-2015. Khi mùa vụ kết thúc hai bên đối chiếu công nợ anh T còn nợ của công ty số tiền 37.353.138 đồng. Công ty đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T không trả. Nay công ty khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn T phải trả cho công ty số tiền 37.353.138 đồng và lãi suất chậm trả là 6.322.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh T thống nhất với lời trình bày của người đại diện của công ty về thời gian xác lập hợp đồng khoán, tài sản nhận khoán và số tiền tạm ứng của công ty. Tuy nhiên, anh T cho rằng khi quyết toán vụ lúa Hè Thu năm 2015 anh chỉ còn nợ công ty 7.353.138 đồng, còn số tiền tạm ứng 30.000.000 đồng khi quyết toán vụ Đông Xuân năm 2015 công ty thanh toán cho anh 86.362.631 đồng, có khấu trừ số tiền tạm ứng này hay chưa anh cũng không rõ. Anh T chỉ đồng ý trả số nợ vụ lúa Hè Thu là 7.353.138 đồng, vụ lúa Đông Xuân chỉ đồng ý trả 15.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phạm Văn T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền 37.353.138 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T trả cho công ty số tiền nợ từ hợp đồng thuê khoán tài sản. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N xác định anh T còn nợ công ty 37.353.138 đồng, trong đó, nợ tiền vụ lúa Hè Thu 7.353.138 đồng, nợ tiền tạm ứng vụ lúa Đông Xuân 30.000.000 đồng chưa khấu trừ. Anh T chỉ thừa nhận số nợ còn thiếu ở vụ lúa Hè Thu, còn vụ Đông Xuân thừa

nhận có tạm ứng hai đợt với số tiền 30.000.000đồng nhưng không biết công ty có khấu trừ hay chưa nhưng anh chỉ đồng ý trả 15.000.000đồng. Xét thấy, theo chứng từ đối chiếu khi quyết toán công nợ vụ lúa Đông Xuân thì tổng số tiền anh T sảy lúa và các khoản tiền được công ty hỗ trợ là 149.433.146 đồng, tổng số tiền công ty thu lại gồm điện, tiền bán trấu, tiền đóng bao là 63.070.515 đồng, số tiền còn lại anh T được thanh toán là 86.362.631đồng (BL số 12), không thể hiện có khấu trừ số tiền tạm ứng 30.000.000đồng theo các phiếu chi ngày 14-2-2015 và ngày 06-3-2015. Theo quyết toán vụ Hè Thu năm 2015 tổng số tiền sảy lúa công ty phải thanh toán cho anh T là 42.646.862đồng, nhưng anh T đã tạm ứng 50.000.000đồng theo các phiếu chi ngày 11-6-2015 và ngày 26-6-2015. Như vậy qua hai đợt đối chiếu công nợ thì công ty chưa khấu trừ tiền tạm ứng vụ lúa Đông Xuân. Như vậy, tổng cộng anh T còn nợ công ty là 37.353.138đồng. Do đó, công ty yêu cầu anh T phải trả số nợ trên là có căn cứ quy định tại Điều 506 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về việc rút yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305; Điều 506 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Buộc anh Phạm Văn T phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N số tiền 37.353.138đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N về việc yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh Phạm Văn T phải nộp 1.867.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N được nhận lại 1.145.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000237 ngày 14-4-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Án xử công khai, tuyên án có mặt người đại diện của nguyên đơn, có mặt bị đơn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn